

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89A/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11- 2019

V/v ly hôn giữa

Chị M và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thanh Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hải**

2. Ông **Nguyễn Minh Vương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Đẹp** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 440/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1975 (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Võ Hoàng D**, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/9/2018 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Võ Hoàng D cưới nhau vào năm 1991, hôn nhân do tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Theo chị vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 1991 đến 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn và không chăm lo cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị khuyên nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Chị và anh D đã ly thân từ tháng 3/2018 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Võ Hoàng D.

Về nuôi con chung: có 03 con chung tên Võ Thị Kim T, sinh năm 1992; Võ Duy K, sinh năm 1997 và Võ Minh H, sinh ngày 31/3/2000. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Không tranh chấp tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Võ Hoàng D trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị M về thời gian tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Về quá trình chung sống, vợ chồng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, do chị M cờ bạc, quen nhiều người đàn ông khác, anh đã nhiều lần tha thứ nhưng chị M không thay đổi. Nay chị M yêu cầu ly hôn không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị M, anh không đồng ý vì anh còn thương chị M. Hiện tại anh không có biện pháp nào hàn gắn, anh chỉ có lời khuyên chị M quay trở lại chung sống cùng gia đình vì vợ chồng cũng có xui gia. Do bận công việc nên anh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nuôi con chung: có 03 con chung tên Võ Thị Kim T, sinh năm 1992; Võ Duy K, sinh năm 1997 và Võ Minh H, sinh ngày 31/3/2000. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Không tranh chấp tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Võ Hoàng D. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Bị đơn anh Võ Hoàng D đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị M và anh Võ Hoàng D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh chị không thực hiện là trái với quy định của pháp luật về Hôn nhân và Gia đình; Quá trình chung sống giữa hai anh chị hạnh phúc được một thời gian dài sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn và không chăm lo cho vợ con nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa chị với anh D là vợ chồng. Riêng anh D không đồng ý ly hôn với chị M vì anh còn thương chị M nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, chị M cương quyết ly hôn, anh D thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M cờ bạc, quen nhiều người đàn ông khác, anh đã nhiều lần tha thứ nhưng chị M không thay đổi. Như vậy, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh D không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn, vì vậy chị M khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh D là có căn cứ cần được chấp nhận. Xét thấy, giữa chị M và anh D chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng qui định tại Khoản 1 Điều 9 và căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Võ Hoàng D là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: có 03 con chung tên Võ Thị Kim T, sinh năm 1992; Võ Duy K, sinh năm 1997 và Võ Minh H, sinh ngày 31/3/2000. Hiện các con đều đã trưởng thành nên chị M và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị M và anh D đều xác định không tranh chấp tài sản chung, nên không đề cập.

[2.4] Về nợ: Chị M và anh D đều xác định không có nợ chung, nên không đề cập.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị M và anh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M đối với bị đơn anh Võ Hoàng D.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Võ Hoàng D là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000409 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước do chị Nguyễn Thị M đã nộp sang án phí để sung công quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung